

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 02 (Đợt 1)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 01 – 02/02/2024

Ngày cung cấp TT: 03/02/2024

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở 3 cánh.
5	9	Công Lương Cỏ	Công mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Công mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Công mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu; Kênh Duy Tiên.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Phù Lý – cầu Phù Vân; Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín; Kênh Hòa Bình.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Không đạt mức D: Công Liên Mạc; Cầu Diễn; Đập Hà Đông; Cầu Tó; Cầu Xém; Đập Đồng Quan (Thượng lưu); Cầu Thân; Đập Nhật Tựu; Cổng Lương Cổ; Sông Đăm, Sông Cầu Ngà; Đập Thanh Liệt; Kênh Xuân La; Kênh Phú Đô; Kênh tiêu Trung Văn; Cầu Am; Kênh La Khê; Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cống Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 75%, gió ĐB 7 km/h. Không có dòng chảy. Cống Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.39	16.2	0.25	0.6	32.246	1.553	761	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đám, kênh Xuân La vào.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 100%, mật độ mây 75%, gió BTB 15 km/h. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Hai bên sông có nhiều rác. Nước màu đen, mùi	7.26	20.7	0.31	0.6	41.103	2.633	829	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			hôi thối.								
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đầm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Vãn, kênh La Khê vào.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 77%, gió BDB 18 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp, đập mờ. Trên sông có nhiều rác. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.05	22.5	0.22	0.6	47.009	2.385	876	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 82%, gió TB 20 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp, hai bên bờ sông có nhiều rác thải.	7.01	25.9	0.36	0.6	43.434	3.870	896	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.	Nước màu đen, mùi hôi thối.								
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 89%, gió TB 20 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp, trên sông có nhiều rác. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.2	22.3	0.79	0.6	33.023	3.060	765	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận	Trời hừng nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 63%, mật độ mây 88%, gió TB 21 km/h. Dòng chảy về hạ lưu, đập mở thông. Mực nước trung bình.	7.35	40.7	0.7	0.6	27.894	3.533	779	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.	Nước màu đen.								
7	Cầu Thân	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 98%, gió TB 22 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.36	42.5	0.87	0.6	19.969	2.385	672	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 97%, gió TB 21 km/h.	7.59	40.9	0.76	0.6	24.786	3.533	691	Chi tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở 3 cánh tiêu nước về hạ lưu. Thượng lưu đập dồn ú nhiều bèo. Nước màu đen, mùi hôi thối.								DO không đạt mức B
9	Cống Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 96%, gió TB 20 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình, cống mở thông. Nước màu nâu đen. Khu vực lấy mẫu đang pha nước ô nhiễm từ thượng lưu đổ về.	7.49	51.6	1.26	0.5	8.236	2.003	637	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phủ Lý – cầu	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 96%, gió	7.45	31.7	4.07	0.4	1.484	2.408	429	Các chi tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Phù Vân	dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	TB 20 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu nâu đục.								quan trắc hiện trường đạt mức B
11	Sông Đầm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 75%, gió ĐB 7 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.1	43.6	1.76	0.2	4.895	6.750	635	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 56%, gió ĐB 20 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ. Mực nước	6.97	31.7	0.92	0.6	21.678	3.870	691	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			thấp. Nước màu xanh đen.								đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 82%, gió TB 20 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước hạ lưu cao hơn thượng lưu. Nước màu đen.	7.31	28.1	0.33	0.6	34.110	2.408	796	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 94%, mật độ mây 75%, gió ĐB 7 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Mực nước trung bình, cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	7.16	19.5	0.49	0.6	13.908	5.288	826	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 52%, gió BDB 16 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.42	20.7	0.7	0.6	24.242	3.578	870	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời mát, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 52%, gió BDB 16 km/h. Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, cổng mở hé, mực nước thấp, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.36	23.5	0.59	0.6	27.894	2.633	829	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 71%, gió TB 19 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. khu vực lấy mẫu đang thi công kè nên kênh bị thu hẹp, có nhiều rác thải trên kênh. Nước màu đen.	7.25	22.3	0.72	0.6	31.235	2.385	817	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 71%, gió TB 19 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.2	20.6	0.81	0.6	35.354	1.283	791	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 87%, gió TB 21 km/h. Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy, mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	7.59	51.9	5.16	0.3	0.847	3.960	426	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 66%, mật độ mây 98%, gió TB 22 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.46	36.7	5.08	0.4	0.606	0.612	508	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 77%, gió	7.21	25.9	0.49	0.6	28.904	4.635	907	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	BDB 19 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cống mở, mực nước thấp. Nước màu xám đen.								DO không đạt mức B
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 89%, gió TB 20 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.62	26.7	4.59	0.3	0.761	2.408	496	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời mát, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 82%, gió TB 20 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước	7.91	28	4.76	0.4	1.943	2.813	504	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nội đồng cao hơn ngoài sông Nhuệ. Nước màu xanh lục.								đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2024
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI